

Bản án số: 140/2017/HSST
Ngày: 14/9/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 - TP. HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Triệu Luật.

Các Hội thẩm Nhân dân:

1/Ông Huỳnh N Thông.

2/Bà Tiêu Kim Thuận.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:

- Ông Nguyễn Hoài Anh - Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 10.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 10 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

- Ông Hoàng Nam Bắc - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2017, tại khuôn viên Trường THPT Nguyễn Du – địa chỉ: XX1 Cư xá Bắc Hải, đường Đồng Nai, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lưu động công khai sơ thẩm vụ án Hình sự thụ lý số: 105/2017/HSST ngày 19 tháng 7 năm 2017 đối với bị cáo:

Trần Bình L - Giới tính: Nam; sinh năm: 1985 tại Thành phố Hồ Chí Minh; thường trú: Đường Q, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 12/12; con ông: Trần Đình S; và bà: Võ Thị N; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt giữ ngày: 07/7/2016.

(Bị cáo có mặt)

- Người bị hại:

1/NBH1 – Sinh năm: 1996 (có mặt).

Thường trú: Khu phố A, phường TB, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

Trú tại: Đường XX, phường BC, quận Đ, TP.HCM.

2/NBH2 – Sinh năm: 1996 (có mặt).

Thường trú: Khu phố B, phường BT, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

Trú tại: Đường T, Phường C, quận B, TP.HCM.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

NLQ – Sinh năm: 1981 (có mặt).

Thường trú: Đường L, Phường D, quận B, TP.HCM.

Trú tại: Đường B, Phường G, quận B, TP.HCM.

NHẬN THẤY:

Bị cáo bị Viện Kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Với mục đích chiếm đoạt tài sản lấy tiền tiêu xài, khoảng 03 giờ 00 phút ngày 12/5/2016, Trần Bình L mặc trang phục ngành Công an (nhưng không đeo hàm hiệu) đến cửa hàng “Circle K” – địa chỉ: 70 đường Đồng Nai, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh; tại đây, L nhìn thấy chị NBH1 và chị NBH2 đang ngồi chơi, L dựng xe và vào bên trong cửa hàng nói với các chị NBH1 và NBH2 biết mình là Công an đang theo dõi một nhóm đối tượng nam thanh niên có ý định cướp laptop và điện thoại di động của các chị; thấy L mặc trang phục Công an, nên các chị NBH1, NBH2 tin lời và bỏ 01 chiếc laptop hiệu Compaq, 03 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 5S và Iphone 5, Nokia E71 vào ba lô, L nói chị NBH1 để chiếc ba lô vào cốp xe mô tô của L để L chở hai người cùng tài sản đi đến đồn Công an gần nhất rồi tùy tình hình báo người nhà đến đón; sau đó, L chở các chị NBH1, NBH2 lòng vòng trên các tuyến đường và khi đến trước nhà số KK10 đường Ba Vì, Phường 15, Quận 10 thì nói xuống xe để L coi tình hình như thế nào; khi các chị NBH1 và NBH2 xuống xe thì L điều khiển xe mô tô chạy đi và chiếm đoạt luôn các tài sản của chị NBH2, NBH1; sau đó L bán chiếc laptop hiệu Compaq cho anh NLQ được 800.000 đồng, bán 02 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 5S và Iphone 5 cho đối tượng tên D (không rõ lai lịch, địa chỉ) tại quận Tân Bình được 1.000.000 đồng, còn chiếc điện thoại di động hiệu Nokia E71 không sử dụng được, L vứt bỏ, L đã tiêu xài hết số tiền trên. Sau đó ngày 07/7/2016, Trần Bình L thực hiện hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và bị Công an quận Tân Bình bắt khẩn cấp.

Về phía chị NBH1 và NBH2 sau khi bị chiếm đoạt tài sản, đã đến Công an Phường 15, Quận 10 trình báo sự việc. Công an Phường 15, Quận 10 lập hồ sơ ban đầu; sau đó chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 điều tra, làm rõ. Đồng thời cơ quan Công an đã thu thập được nội dung camera ghi hình diễn biến hành vi của Trần Bình L mặc đồ trang phục ngành Công an (không đeo hàm, hiệu) nói chuyện với các người bị hại và nhân viên cửa hàng “Circle K”, yêu cầu các chị NBH2 và NBH1 đem các tài sản (như đã nêu trên) bỏ vào ba lô rồi bỏ vào cốp xe của L, sau đó để L chở đi.

Tài sản bị chiếm đoạt là: 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 5S (chị NBH1) có trị giá 4.000.000 đồng; chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 5 (chị NBH2) có trị giá 2.700.000 đồng và chiếc điện thoại di động hiệu Nokia E71 (chị NBH1) có trị giá 200.000 đồng; đối với chiếc laptop hiệu Compaq không tiến hành định giá được (do không có thông số, model máy, thông tin chi tiết), theo người hại khai đã mua và sau đó mua thêm bộ phận để nâng cấp (không có chứng cứ chứng minh), nhưng căn cứ vào lời khai của bị cáo và anh NLQ thì chiếc máy chiếc trên đã bán 800.000 đồng nên có cơ sở xác định trị giá tài sản trên là 800.000 đồng (theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo). Như vậy, tổng giá trị tài sản trên là 6.900.000 đồng + 800.000 đồng = 7.700.000 đồng; chị NBH1 và chị Liên yêu cầu L bồi thường số tiền trên.

Qua nhận dạng của người bị hại, người làm chứng và kết quả truy xét; ngày 25/4/2017, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 đã ra quyết định khởi tố điều tra đối với Trần Bình L về hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tại Quận 10 như đã nêu trên.

Quá trình điều tra, Trần Bình L đã khai nhận hành vi phạm tội như trên và còn xác định L còn thực hiện hành vi tương tự như trên tại các quận: Tân Bình, Phú Nhuận, Quận 11 và đã bị xét xử.

Đối với anh NLQ đã mua 01 chiếc máy tính xách tay hiệu Compaq và đã bán cho người khác, do không biết hành vi phạm tội của L, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 không xử lý là có cơ sở.

Riêng đối tượng tên D (không rõ lai lịch, địa chỉ), Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 tiếp tục truy xét, khi nào bắt được, làm rõ và xử lý sau.

Tại bản cáo trạng số 67/CT-VKS ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 Thành Phố Hồ Chí Minh đã truy tố Trần Bình L về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa hôm nay:

Bị cáo Trần Bình L đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình giống như lời khai tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của các người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh công bố bản luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Trần Bình L đúng theo nội dung bản cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất và hậu quả của vụ án đối với người bị hại và xã hội, sau khi nêu lên những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo (thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải) và nhân thân của bị cáo; đã đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 104; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) đối với bị cáo Trần Bình L; xử phạt bị cáo Trần Bình L từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù; tổng hợp hình phạt đối với bản án số 51/2017/HSST ngày 14/6/2017 của Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt bị cáo Trần Bình L 07 năm 03 tháng tù (trong đó đã tổng hợp các bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân Quận 10, Tân Bình và Phú Nhuận), buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án là phù hợp.

Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp khác:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009) và Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc bị cáo Trần Bình L bồi thường cho chị NBH1 (4.000.000 đồng) và chị NBH2 (3.700.000 đồng).

Lời nói sau cùng của bị cáo: rất hối hận về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Tại Cơ quan điều tra, cũng như trước phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, qua lời khai nhận tội của bị cáo, đối chiếu với nội dung

biên bản nhân dạng, đối chất, lời khai của người làm chứng, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, bản kết luận định giá tài sản, hình ảnh camera thu giữ được cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án là phù hợp, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định: bị cáo Trần Bình L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Chỉ vì mục đích cá nhân và có tiền tiêu xài, bị cáo đã thực hiện hành vi gian dối, để chiếm đoạt tài sản của người khác, cụ thể là chiếm đoạt các tài sản của các người bị hại cụ thể như sau: chị NBH1 với giá trị tài sản 4.000.000 đồng; chị NBH2 với giá trị tài sản 3.700.000 đồng; tổng giá trị là 7.700.000 đồng. Do vậy, bị cáo Trần Bình L bị truy tố và xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009).

Ngoài ra, Hội đồng xét xử cần nhận định thêm như sau: do bị cáo chiếm đoạt các tài sản của hai người bị hại trong cùng một lúc, nên cần thiết cộng giá trị tài sản để xác định giá trị tài sản chiếm đoạt đối với bị cáo, nhưng không áp dụng tình tiết phạm tội nhiều lần đối với bị cáo.

Hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, bị cáo đã thực hiện hành vi tương tự trong một khoảng thời gian dài, trên nhiều địa bàn khác nhau, gây nên sự phẫn nộ và hoang mang dư luận trong quần chúng nhân dân. Do vậy dù có chiếu cố đến đâu đi nữa, cần phải đưa bị cáo ra xét xử nghiêm minh bằng luật hình, tương xứng với nhân thân, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cụ thể cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo giáo dục bị cáo thành người tốt cho xã hội, đồng thời cũng để răn đe, giáo dục đối với những người thực hiện hành vi tương tự, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm tại địa pNBH1.

Tuy nhiên, xét thấy bị cáo thành khẩn khai báo; vậy Hội đồng xét xử áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009) giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo; đồng thời miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo Trần Bình L là người trực tiếp chiếm đoạt tài sản của chị NBH1 (4.000.000 đồng) và chị NBH2 (3.700.000 đồng). Do vậy hiện có cơ sở xác định trong vụ án này, bị cáo Trần Bình L là người phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho các người bị hại tương ứng với giá trị tài sản bị chiếm đoạt như đã nêu trên. Về phía bị cáo trình bày do không có tiền, nên xin bồi thường dần mỗi tháng một ít, về phía các người bị hại không đồng ý và yêu cầu bị cáo phải bồi thường một lần.

Vậy Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009) và Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc bị cáo Trần Bình L bồi thường cho chị NBH1 (4.000.000 đồng) và chị NBH2 (3.700.000 đồng).

Về án phí: bị cáo Trần Bình L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đối với các bản án số: 285/2016/HSST ngày 29/11/2016 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt bị cáo 03 năm tù, 31/2017/HSST ngày 22/3/2017 của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù, 73/2017/HSST ngày 13/4/2017 của Tòa án nhân dân Quận 10 Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt bị cáo 04 năm tù (trong đó có tổng hợp 03 năm tù của Tòa án nhân dân quận Tân Bình Thành phố Hồ Chí Minh), 51/2017/HSST ngày 14/6/2017 của Tòa án nhân dân Quận 11 Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt bị cáo Trần Bình L 07 năm 03 tháng tù (trong đó đã tổng hợp các bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân Quận 10, Tân Bình và Phú Nhuận); do hành vi phạm tội bị xét xử lần này, thực hiện trong các hành vi phạm tội tại các bản án trên chưa bị kết án bằng các bản án có hiệu lực pháp luật, nên không tính là tiền án; nhưng nay các bản án (trong đó có bản án Tòa án nhân dân Quận 11 Thành phố Hồ Chí Minh) này đã có hiệu lực pháp luật, nên cần áp dụng Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009) tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Bình L phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm p khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009) đối với bị cáo Trần Bình L;

Xử phạt bị cáo Trần Bình L 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, tổng hợp hình phạt trên với hình phạt: 07 (Bảy) năm 03 (Ba) tháng tù theo bản án số 51/2017/HSST ngày 14/6/2017 của Tòa án nhân dân Quận 11 Thành phố Hồ Chí Minh, thì bị cáo Trần Bình L phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 08 (Tám) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 07/7/2016.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo L.

- Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009) và Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc bị cáo Trần Bình L bồi thường các khoản tiền, cụ thể như sau:

* 4.000.000 (bốn triệu) đồng cho chị NBH1.

* 3.700.000 (ba triệu bảy trăm ngàn) đồng cho chị NBH2.

Thi hành ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) và kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành xong các khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi nợ quá hạn của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Áp dụng khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc :

- Bị cáo L chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 385.000 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án; người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình.

Thời hạn kháng cáo là 15 ngày; đối với bị cáo, người bị hại, người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến vụ án tính từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Công an Q.10, PC.53;
- Chi cục THADS Q.10;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Triệu Luật